

Số: 08/2019/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2019

THÔNG TƯ

Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Ngành) bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; tổ chức phong trào thi đua, danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, trao tặng; tuyển trình khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến; Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là đơn vị) và các đơn vị trực thuộc các đơn vị thuộc Bộ; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên tại các đơn vị.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các sở) và các đơn vị trực thuộc các Sở; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là cấp huyện); các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở khác có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là các cơ sở giáo dục nghề nghiệp); cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên tại các sở, cấp huyện, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và công chức, người lao động làm công tác lao động, người có công và xã hội ở xã, phường, thị trấn.



3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước ngoài Ngành; các tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức, người nước ngoài có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển của Ngành.

Chương II **TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA,** **CÁC DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA**

Điều 3. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định 91/2017/NĐ-CP), Điều 4 và Điều 5 của Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 91/2017/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư 08/2017/TT-BNV).

2. Hằng năm, sau khi tổ chức phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt (chuyên đề), đơn vị phát động gửi kế hoạch tổ chức phong trào thi đua về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Bộ) để theo dõi, tổng hợp và hướng dẫn khen thưởng.

3. Thủ trưởng các đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua trong phạm vi đơn vị, thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét, khen thưởng.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức triển khai phong trào thi đua

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Bộ trưởng) phát động và chỉ đạo các phong trào thi đua trong toàn Ngành.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Hội đồng Bộ), Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Hội đồng Ngành) có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng về nội dung thi đua, tổ chức các phong trào thi đua, kiểm tra việc thực hiện trong phạm vi Bộ, Ngành.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm tham mưu cho thủ trưởng đơn vị cùng cấp tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong đơn vị.

4. Thủ trưởng các đơn vị chủ động tổ chức phát động và chỉ đạo các phong trào thi đua trong phạm vi đơn vị.

5. Các đoàn thể phối hợp cấp ủy đảng, chính quyền tổ chức phát động các phong trào thi đua, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trong phạm vi đơn vị.

Điều 5. Trách nhiệm của đơn vị (bộ phận) làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp

1. Căn cứ nhiệm vụ chính trị được giao, nhiệm vụ, chỉ tiêu công tác hằng năm, 05 năm phối hợp với các tổ chức đoàn thể tham mưu, đề xuất với lãnh đạo, cấp ủy đảng, chính quyền chủ trương, kế hoạch phát động các phong trào thi đua bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách với hình thức phong phú, hấp dẫn, có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, có tiêu chí cụ thể, nội dung thiết thực, công hình thức.

2. Tổ chức ký kết giao ước thi đua, triển khai có hiệu quả, kết hợp với đôn đốc, kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua, công tác khen thưởng tại đơn vị.

3. Tham mưu cho thủ trưởng đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời. Việc phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến phải được thực hiện đồng bộ từ Trung ương đến cấp cơ sở.

4. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan thông tin, báo chí, xuất bản thuộc Bộ

Các cơ quan thông tin, báo chí, xuất bản thuộc Bộ có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan thường trực của Hội đồng Bộ, Hội đồng Ngành và các đơn vị phản ánh đúng kết quả của các phong trào thi đua; thường xuyên tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng; biểu dương, tôn vinh và nhân rộng các điển hình tiên tiến, các gương người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Đăng ký các danh hiệu thi đua

1. Đăng ký thi đua thường xuyên: Hằng năm, các sở và đơn vị chủ động tổ chức cho các cá nhân, tập thể thuộc và trực thuộc đăng ký thi đua với các nội dung, chỉ tiêu, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cụ thể. Tổng hợp và gửi kế hoạch thi đua về Bộ trước ngày 31 tháng 3.

2. Đăng ký thi đua theo đợt (chuyên đề): Các sở và đơn vị tổ chức phát động phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức đăng ký thi đua, tổng hợp, gửi kế hoạch về Bộ chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày phát động.

Điều 8. Các danh hiệu thi đua

1. Các danh hiệu đối với cá nhân gồm: “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” (sau đây gọi tắt là Chiến sĩ thi đua cấp Bộ), “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Các danh hiệu đối với tập thể gồm: “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua cấp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” (sau đây gọi tắt là Cờ thi đua của Bộ), “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Điều 9. Tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho các cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này khi đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao (đạt từ 100% kế hoạch trở lên) dựa trên kết quả của cấp có thẩm quyền về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức; Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan.

2. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của đơn vị.

3. Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ. Tích cực tham gia các phong trào thi đua, các hoạt động xã hội.

4. Có đạo đức, lối sống lành mạnh, có tinh thần tự lực, tự cường, tương trợ đồng nghiệp và có nhiều đóng góp xây dựng tập thể đoàn kết, vững mạnh.

5. Đạt từ 70 đến 90 điểm theo thang điểm quy định (theo mẫu số 07 kèm theo Thông tư này).

Điều 10. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hằng năm cho các cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này khi đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Có sáng kiến là các giải pháp: Kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp hoặc ứng dụng tiến bộ cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở công nhận; hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu, được áp dụng trong thực tiễn đạt hiệu quả cao tại đơn vị; hoặc là thành viên Ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án trình Thủ tướng Chính phủ đã được ban hành, đảm bảo tiến độ, chất lượng.

3. Đạt từ 91 đến 100 điểm theo thang điểm quy định (theo mẫu số 07 kèm theo Thông tư này). Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của đơn vị (chú trọng lựa chọn các cá nhân là người trực tiếp lao động), nếu có số dư thì làm tròn số theo quy định.

Điều 11. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” được xét tặng cho các cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này khi đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Có sáng kiến là các giải pháp: Kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp hoặc ứng dụng tiến bộ cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được Hội đồng sáng kiến cấp Bộ công nhận; hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ đã được nghiệm thu được áp dụng trong thực tiễn đạt hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng đối với Bộ, Ngành; hoặc đạt giải nhất tại các Hội giảng, Hội thi cấp bộ, cấp tỉnh; hoặc là thành viên Ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật (từ Nghị định trở lên) đã được ban hành, đảm bảo tiến độ, chất lượng.

3. Thời điểm xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” là năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

Điều 12. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”.
2. Có sáng kiến là các giải pháp: Kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp hoặc ứng dụng tiến bộ cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác, được Hội đồng sáng kiến cấp Bộ công nhận; hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ đã được nghiệm thu. Sáng kiến hoặc đề tài đó đã được áp dụng trong thực tiễn, đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.
3. Thời điểm xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” lần thứ hai.

Điều 13. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho các tập thể quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này khi đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao (đạt từ 100% kế hoạch trở lên), có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện tốt cải cách hành chính.
3. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
4. Đạt từ 70 đến 90 điểm theo thang điểm quy định (theo mẫu số 06 kèm theo Thông tư này).

Điều 14. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho các đơn vị thuộc Bộ và các đơn vị trực thuộc các đơn vị thuộc Bộ có tên trong quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị do cấp có thẩm quyền ban hành khi đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.
2. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ, trong đó ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
4. Đạt từ 91 đến 100 điểm theo thang điểm quy định (theo mẫu số 06 kèm theo Thông tư này).

Điều 15. Tiêu chuẩn danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ”

1. Tiêu chuẩn chung

Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ” được xét tặng hằng năm cho các sở và đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất, được bình xét, đánh giá, so sánh trong các cụm, khối thi đua do Hội đồng Ngành, Hội đồng Bộ tổ chức khi đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) giao trong năm;

b) Dẫn đầu các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng phát động trong phạm vi Bộ, Ngành;

c) Có nhân tố mới, mô hình mới để các sở và đơn vị khác học tập;

d) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội.

2. Tiêu chuẩn Cờ thi đua của Bộ đối với lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động

Tặng cho các phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội sản xuất thuộc mọi thành phần kinh tế, các cơ sở sản xuất kinh doanh, hợp tác xã, đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc lực lượng vũ trang (gọi chung là doanh nghiệp) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dẫn đầu các phong trào thi đua, có thành tích xuất sắc tiêu biểu cho bộ, ngành, cấp tỉnh và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hằng năm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật;

b) Bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động hoặc thành lập bộ phận quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động; phân công rõ chế độ trách nhiệm đối với từng cấp, từng bộ phận quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Có nội quy, quy trình sản xuất đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động;

d) Thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ, quy định về bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động theo quy định của pháp luật, cụ thể: Chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật; chế độ khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; chế độ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, làm thêm giờ; trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động; chăm sóc sức khỏe người lao động, phương tiện sơ cấp cứu theo quy định và duy trì thường xuyên việc kiểm tra đảm bảo sử dụng hiệu quả; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; khai báo, kiểm định các loại máy, thiết bị vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; thống kê, báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động và tình hình sự cố tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định; thực hiện tự kiểm tra về an toàn lao động, vệ sinh lao động;

đ) Trong năm, doanh nghiệp không để xảy ra tai nạn lao động chết người hoặc bị thương nhiều người (trừ trường hợp tai nạn giao thông nhưng được coi là tai nạn lao động theo quy định của pháp luật);

e) Tổ chức các hoạt động thiết thực hưởng ứng Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động.

3. Tiêu chuẩn Cờ thi đua của Bộ đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

Tặng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dẫn đầu phong trào thi đua trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, tiêu biểu cho các bộ, ngành, cấp tỉnh và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ đào tạo đúng mục tiêu, có chất lượng, đạt hiệu quả cao, hoàn thành xuất sắc vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao;

b) Có nhà giáo, học sinh, sinh viên đạt giải nhất, nhì, ba trong các hội giảng, hội thi cấp tỉnh trở lên;

c) 100% học sinh, sinh viên tốt nghiệp, trong đó loại khá, giỏi đạt trên 70%. Trên 80% học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành, nghề đào tạo;

d) Có đội ngũ nhà giáo chất lượng cao, đủ số lượng và cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp, hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với hạng được bổ nhiệm quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

Có ít nhất 20% số nhà giáo đạt chuẩn loại A và 50% số nhà giáo đạt chuẩn loại B theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

đ) Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào giảng dạy; 70% chương trình đào tạo có gắn kết với doanh nghiệp trong thực hành, thực tập; xây dựng cơ sở vật chất tốt đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Chương III **CÁC HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

Điều 16. Các hình thức khen thưởng

1. Các hình thức khen thưởng cấp nhà nước được quy định từ Khoản 1 đến Khoản 4 Điều 8 của Luật Thi đua, khen thưởng, gồm có: Huân chương các loại; Huy chương các loại; các danh hiệu vinh dự Nhà nước; “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hình thức khen thưởng cấp Bộ gồm có: Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội”; Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Giáo dục nghề nghiệp”; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Bằng khen của Bộ trưởng).

3. Hình thức khen thưởng cấp cơ sở gồm có: Giấy khen của thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ (có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng).

Điều 17. Tiêu chuẩn khen thưởng cấp nhà nước

1. Tiêu chuẩn xét tặng Huân chương các loại, Huy chương Hữu nghị, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, các điều: 14, 15, 16, 17, 18, 22, 23, 24, 32, 33, 36 và Điều 38 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Tiêu chuẩn các danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 18. Tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Bộ trưởng đối với cá nhân

Bằng khen của Bộ trưởng để xét tặng cho các cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy định của đơn vị hoặc tiêu biểu trong các phong trào thi đua do Bộ phát động hoặc có thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội và đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Khen thưởng thường xuyên dịp tổng kết năm:

a) Hoàn thành xuất sắc kế hoạch công tác, nhiệm vụ được giao (dựa trên kết quả của cấp có thẩm quyền về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản liên quan) và nghĩa vụ công dân;

b) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có ít nhất 02 sáng kiến được Hội đồng khoa học (hoặc Hội đồng sáng kiến) cơ sở công nhận, được áp dụng vào thực tế tại cơ sở và mang lại hiệu quả thiết thực.

2. Khen thưởng theo đợt (chuyên đề): Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do Bộ phát động hằng năm.

3. Khen thưởng đột xuất: Có thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến: Các cá nhân trước khi nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và 05 năm trước đó chưa được tặng Bằng khen của Bộ trưởng được xét, trình Bộ trưởng xét, tặng.

5. Trong một năm chỉ đề nghị Bộ trưởng tặng Bằng khen một lần. Đối với các cá nhân trong năm được khen thưởng một hình thức khen thưởng cấp nhà nước thì năm đó và năm liền kề không trình khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng, trừ trường hợp khen thưởng đột xuất.

Điều 19. Tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Bộ trưởng đối với tập thể

Bằng khen của Bộ trưởng để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết hoặc tiêu biểu trong các phong trào thi đua do Bộ phát động hoặc có thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội và đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Khen thưởng thường xuyên dịp tổng kết năm: Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao, trong đó có nhiệm vụ hoàn thành vượt tiến độ, đạt chất lượng cao; 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ và trên 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật và nghĩa vụ đối với Nhà nước; không có cá nhân vi phạm bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

2. Khen thưởng theo đợt (chuyên đề): Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do Bộ phát động hằng năm.

3. Khen thưởng đột xuất: Có thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

4. Trong một năm chỉ đề nghị Bộ trưởng tặng Bằng khen một lần. Đối với các tập thể trong năm được khen thưởng một hình thức khen thưởng cấp nhà nước thì năm đó và năm liền kề không trình khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng, trừ trường hợp khen thưởng đột xuất.

Điều 20. Tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Bộ trưởng đối với các lĩnh vực

Bằng khen của Bộ trưởng để tặng cho cá nhân, tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của đơn vị, của Bộ, hoặc tiêu biểu trong các phong trào thi đua do Bộ phát động hoặc có thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội và đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Lĩnh vực lao động, tiền lương

a) Cá nhân: Thực hiện tốt các quy định của pháp luật hoặc có sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước hoặc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện pháp luật về lao động, tiền lương và quan hệ lao động; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

b) Tập thể: Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách về lao động, tiền lương đối với người lao động; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong đơn vị; triển khai tốt các chương trình, chính sách, đề án của Chính phủ và của Ngành; thực hiện chế độ cung cấp thông tin, số liệu, báo cáo về lĩnh vực chuyên môn theo quy định, đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

2. Lĩnh vực việc làm

a) Cá nhân: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động giới thiệu việc làm hoặc có sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, đề xuất và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao hiệu quả hoạt động giới thiệu việc làm.

b) Tập thể: Hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra trong năm; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động giới thiệu việc làm; có sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, tạo nhiều việc làm mới, đem lại thu nhập ổn định cho người lao động; có sáng kiến giải pháp tăng năng suất lao động hoặc lập thành tích xuất sắc về lĩnh vực việc làm.

3. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (trừ sư phạm)

a) Cá nhân: Có thành tích xuất sắc trong các Hội thi, xây dựng chương trình đào tạo hoặc đạt giải tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm, Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, các Kỳ thi tay nghề: Quốc gia, ASEAN và thế giới.

b) Tập thể: Đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3 Điều 15 của Thông tư này và 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện đào tạo đúng mục tiêu, có chất lượng, đạt hiệu quả cao. Các tập thể có thành tích xuất sắc trong phối hợp tổ chức Hội thi, xây dựng chương trình đào tạo, giáo dục nghề nghiệp hoặc có nhiều cá nhân đạt giải tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm, Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, các Kỳ thi tay nghề: Quốc gia, ASEAN và thế giới.

4. Lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài như: Củng cố, khai thác, mở rộng và phát triển thị trường lao động ngoài nước; quản lý, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam ở nước ngoài và doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Lĩnh vực bảo hiểm xã hội

Cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua hoặc có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, cụ thể: Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội trong 02 năm trở lên liên tục; thực hiện hoặc tham gia các hình thức bảo hiểm xã hội khác cho người lao động; đề xuất các sáng kiến xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội.

6. Lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động

a) Cá nhân: Thực hiện đúng nội quy, quy trình, quy định về an toàn, vệ sinh lao động, không để xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, hoặc gây tai nạn lao động làm bị thương nhiều người hoặc chết người; đề xuất các kế hoạch, biện pháp triển khai thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động; có sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm cải thiện các điều kiện làm việc và ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua về an toàn, vệ sinh lao động.

b) Tập thể: Đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 15 của Thông tư này và các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động. Trong 02 năm (đến thời điểm xét tặng) không để xảy ra tai nạn lao động gây chết hoặc bị thương nhiều người.

7. Lĩnh vực người có công

a) Cá nhân, tập thể: Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào “Đền ơn - Đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” hoặc có thành tích xuất sắc trong thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng.

b) Đối tượng là người có công với cách mạng: Khắc phục khó khăn vươn lên, đạt thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, học tập và công tác.

8. Lĩnh vực bảo trợ xã hội

a) Cá nhân: Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác bảo trợ xã hội, công tác xã hội, giảm nghèo; chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt... ; đóng góp, ủng hộ tiền, vật chất cho các đối tượng bảo trợ xã hội trong thời gian 02 năm liên tục trở lên.

b) Tập thể tại cấp tỉnh: Có 02 năm trở lên liên tục thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tỷ lệ hộ nghèo giảm hằng năm vượt mục tiêu Chính phủ đề ra theo chuẩn nghèo quốc gia hoặc chuẩn nghèo cấp tỉnh từng giai đoạn; trợ giúp đột xuất được tiên hành kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ; triển khai tốt các chương trình, chính sách, đề án của Chính phủ và của Ngành; thực hiện chế độ cung cấp thông tin, số liệu, báo cáo về công tác bảo trợ xã hội, giảm nghèo kịp thời, đảm bảo chất lượng.

c) Các cơ sở trợ giúp xã hội: Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc liên tục trong 02 năm trở lên về các hoạt động trợ giúp xã hội.

9. Lĩnh vực trẻ em

a) Cá nhân: Đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua và trong việc thực hiện nhiệm vụ về trẻ em; có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện pháp

luật, chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch có thời hạn từ 02 năm trở lên hoặc có thành tích xuất sắc về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

b) Tập thể: Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong 02 năm trở lên liên tục về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

10. Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội

a) Cá nhân: Có nhiều sáng kiến trong công tác và đề xuất các chính sách mới, 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có thành tích xuất sắc trong phòng, chống mại dâm, cai nghiện ma túy, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về.

b) Tập thể: Hoàn thành toàn diện và vượt kế hoạch được giao, chủ động tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách mới, 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực phòng, chống mại dâm, cai nghiện ma túy, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về.

11. Lĩnh vực bình đẳng giới

a) Cá nhân: Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

b) Tập thể: Có thành tích tiêu biểu xuất sắc 02 năm trở lên liên tục về triển khai pháp luật, chính sách, chương trình về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

12. Lĩnh vực thanh tra; kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

Cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu, xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua hoặc có thành tích xuất sắc trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

Điều 21. Tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Bộ trưởng dịp kỷ niệm ngày thành lập đơn vị vào các năm tròn

Bằng khen của Bộ trưởng để tặng cho cá nhân, tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của đơn vị, của Bộ và đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Cá nhân

a) Là cá nhân tiêu biểu, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tích cực tham gia các phong trào thi đua của Bộ và của đơn vị;

b) Có thời gian tham gia công tác liên tục tại đơn vị từ 05 năm trở lên;

c) Có nhiều công lao, lập được nhiều thành tích, đóng góp vào quá trình phát triển của đơn vị.

2. Tập thể

a) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 10 năm trở lên;

b) Nội bộ đoàn kết

c) Là tập thể tiêu biểu, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tổ chức tốt và có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua của Bộ và của đơn vị.



Điều 22. Tiêu chuẩn Giấy khen của thủ trưởng các đơn vị

Giấy khen của thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ để tặng cho cá nhân, tập thể được thực hiện theo quy định tại Điều 74, Điều 75 và Điều 76 của Luật Thi đua, khen thưởng, Khoản 1 và 3 Điều 40 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

Điều 23. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội”

Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội” là hình thức khen thưởng của Bộ để tặng cho các cá nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của Ngành. Kỷ niệm chương chỉ có một hạng và mỗi cá nhân chỉ được tặng một lần khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cá nhân trong Ngành: Có thời gian công tác liên tục từ 15 năm trở lên, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của cơ quan.

Đối với cá nhân có thời gian công tác trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể khác nhưng sau đó chuyển sang Ngành làm việc thì thời gian đó được cộng gộp để tính thời gian công tác trong Ngành.

Không xét tặng đối với các trường hợp nghỉ hưu từ tháng 8 năm 1995 trở về trước, trừ trường hợp sau khi nghỉ hưu vẫn tiếp tục tham gia công tác, hoạt động liên quan đến lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (thời gian công tác trước khi nghỉ hưu được cộng dồn với thời gian công tác hiện tại để xét tặng).

Riêng đối với cán bộ chủ chốt của Ngành (Lãnh đạo Bộ; thủ trưởng, phó thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) có thời gian công tác liên tục trong Ngành từ đủ 05 năm trở lên; Trưởng Phòng, Phó Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có thời gian công tác trong Ngành từ đủ 10 năm trở lên nếu được điều động sang công tác tại Ngành khác, đã hoặc chuẩn bị nghỉ hưu cũng được xét tặng.

b) Đối với cá nhân ngoài Ngành: Có từ 05 năm liên tục trở lên (hoặc ít nhất một nhiệm kỳ công tác đối với cá nhân là người nước ngoài) phối hợp chặt chẽ với Ngành thực hiện có hiệu quả các chế độ, chính sách hoặc có thành tích xuất sắc, đột xuất trong công tác lao động, người có công và xã hội.

2. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Giáo dục nghề nghiệp”

a) Đối tượng xét tặng: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp từ Trung ương đến cấp huyện; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp kể cả ba loại hình (công lập, tư thực, có vốn đầu tư nước ngoài) theo Luật Giáo dục nghề nghiệp; các chuyên gia Việt Nam hoặc nước ngoài có đóng góp đối với sự phát triển công tác giáo dục nghề nghiệp.

b) Tiêu chuẩn xét tặng: Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Giáo dục nghề nghiệp” để xét tặng cho các cá nhân có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề; luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp của đất nước khi đạt tiêu chuẩn sau:

Có thời gian trực tiếp giảng dạy từ 15 năm trở lên đối với nhà giáo thuộc hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp; 20 năm trở lên đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp từ Trung ương đến cấp huyện (trong đó có 10 năm trở lên trực tiếp giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp). Hoặc có từ 05 năm liên tục trở lên (hoặc ít nhất một nhiệm kỳ công tác đối với các chuyên gia nước ngoài) phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị về giáo dục nghề nghiệp hoặc có thành tích xuất sắc, đột xuất được đánh giá cao.

3. Cá nhân có đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này nhưng bị kỷ luật từ hình thức khiển trách đến dưới hình thức kỷ luật buộc thôi việc chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương khi hết thời gian bị kỷ luật. Thời gian thi hành kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT TẶNG

VÀ TRAO TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Mục 1

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT TẶNG

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 24. Tuyển trình khen thưởng

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

2. Khi khen thưởng theo đợt (chuyên đề), lĩnh vực hoặc tổng kết giai đoạn, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ tổng hợp hồ sơ, xét, trình Hội đồng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng tặng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với cá nhân, tập thể theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

3. Các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động liên quan đến lĩnh vực lao động, người có công và xã hội ở Trung ương và địa phương chịu sự quản lý nhà nước của Bộ thực hiện tuyển trình khen thưởng theo quy định tại Khoản 5 Điều 46 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

4. Việc khen thưởng đối với cá nhân người Việt Nam làm việc trong các cơ quan, tổ chức có yếu tố nước ngoài, hoặc tập thể có yếu tố nước ngoài: Các sở và đơn vị gửi tờ trình kèm theo danh sách đề nghị, báo cáo thành tích (theo mẫu số 02 kèm theo Thông tư này), ý kiến của cơ quan an ninh (nếu có) gửi về Bộ. Văn phòng Bộ sẽ tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

5. Đối với khen thưởng đối ngoại: Các sở và đơn vị gửi tờ trình kèm danh sách đề nghị, báo cáo thành tích (theo mẫu số 02 kèm theo Thông tư này), ý kiến của cơ quan an ninh (nếu có) gửi về Bộ (qua Vụ Hợp tác quốc tế). Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với Văn phòng Bộ tổng hợp, trình khen theo quy định.

6. Đối với hồ sơ xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp” quy định tại Khoản 4 Điều 25 của Thông tư này do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương lập, gửi về Bộ (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp). Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp phối hợp với Văn phòng Bộ xét, trình Bộ trưởng xét, tặng.

Điều 25. Quy định về thủ tục, hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ, số lượng hồ sơ đề nghị xét khen thưởng cấp nhà nước thực hiện theo quy định tại các điều: 45, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56 và Điều 57 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 10 của Thông tư 08/2017/TT-BNV.

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu: “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Cờ thi đua của Bộ”, “Tập thể lao động xuất sắc” và Bằng khen của Bộ trưởng thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 50 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP: 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị đề nghị xét tặng. Riêng đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” yêu cầu có kết quả bỏ phiếu kín;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng (theo mẫu số 01, mẫu số 02, mẫu số 06, mẫu số 07 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP). Riêng đối với danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp phải kèm theo xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học (theo mẫu số 03 kèm theo Thông tư này);

d) Việc khen thưởng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 45, Khoản 2 Điều 47 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 10 của Thông tư 08/2017/TT-BNV.

3. Thủ tục, hồ sơ đơn giản đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng cho các tập thể, cá nhân do có thành tích đột xuất thực hiện theo quy định tại Điều 55 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP bao gồm 01 bộ (bản chính).

4. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương: 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình kèm danh sách trích ngang của các cá nhân đề nghị xét tặng;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị đề nghị xét tặng;

c) Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương (theo mẫu số 01 kèm theo Thông tư này).

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Bộ theo đường công văn, đồng thời gửi bản điện tử vào địa chỉ thư điện tử: thidukhenthuongbo@molisa.gov.vn (ở định dạng .doc hoặc.docx đối với tờ trình, báo cáo thành tích; danh sách cá nhân, tập thể đề nghị ở định dạng .xls hoặc .xlsx; ở định dạng .pdf đối với các hồ sơ khác).

Điều 26. Hiệp y khen thưởng

1. Việc lấy ý kiến hiệp y khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước và lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 47 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

2. Đối với khen thưởng cấp nhà nước, Thường trực Hội đồng Bộ lấy ý kiến Hội đồng Bộ theo quy định.

3. Đối với các hình thức khen thưởng cấp Bộ, Thường trực Hội đồng Bộ căn cứ vào hồ sơ đề nghị, thành tích và tiêu chuẩn xét khen thưởng để thẩm định hồ sơ

(nếu cần thiết tổ chức lấy ý kiến hiệp y khen thưởng của các đơn vị có liên quan) trước khi trình Bộ trưởng xem xét, tặng thưởng.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Thường trực Hội đồng Bộ, Ngành về việc lấy ý kiến hiệp y, cá nhân, đơn vị được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Hết thời hạn trên, Thường trực Hội đồng Bộ, Ngành tiến hành các thủ tục trình khen thưởng theo quy định. Thủ trưởng các đơn vị được xin ý kiến hiệp y chịu trách nhiệm về các nội dung xin ý kiến.

Điều 27. Thời điểm nhận hồ sơ, thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng và thông báo kết quả khen thưởng

1. Thời điểm nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Đối với các hình thức khen thưởng cấp nhà nước thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP;

b) Đối với các danh hiệu cấp Bộ: “Cờ thi đua của Bộ”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” và Bằng khen của Bộ trưởng dịp tổng kết năm, thời hạn nộp hồ sơ căn cứ vào hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hằng năm của Bộ, thời hạn xét hồ sơ căn cứ vào thời gian, hình thức Hội nghị tổng kết;

c) Đối với các danh hiệu: “Lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen thuộc thẩm quyền của thủ trưởng đơn vị do thủ trưởng đơn vị quyết định, đảm bảo gửi các quyết định công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng về Hội đồng Bộ trước ngày 31 tháng 01 để theo dõi;

d) Đối với Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội”, thời hạn nộp hồ sơ về Bộ trước ngày 28 tháng 8 hằng năm hoặc khi đơn vị tổ chức kỷ niệm ngày thành lập.

Đối với Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Giáo dục nghề nghiệp” thời hạn nộp hồ sơ về Bộ (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) trước ngày 15 tháng 8 hằng năm, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổng hợp, gửi về Thường trực Hội đồng Bộ trước ngày 30 tháng 9;

đ) Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo đợt (chuyên đề): Hồ sơ được gửi chậm nhất sau 45 ngày làm việc, kể từ ngày lập được thành tích đột xuất hoặc sau khi kết thúc đợt (chuyên đề) công tác;

e) Đối với Cờ thi đua của Bộ theo lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động chỉ xét tặng vào dịp tổ chức Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp chỉ xét tặng vào dịp khi kết thúc năm học.

2. Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng cấp nhà nước thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 48 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

Hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định.

3. Thời gian thông báo kết quả khen thưởng

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng ký quyết định khen thưởng hoặc nhận được quyết định khen thưởng của các cơ quan có thẩm quyền, Văn phòng Bộ thông báo cho đơn vị trình khen thưởng;

b) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Văn phòng Bộ thông báo cho đơn vị trình khen thưởng;

c) Trường hợp hồ sơ gửi không đúng tuyến trình, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận, Văn phòng Bộ gửi trả hồ sơ cho đơn vị trình khen thưởng.

Điều 28. Quy trình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp cơ sở

Việc bình xét thi đua, khen thưởng tại cấp cơ sở được tiến hành cùng với việc kiểm điểm, đánh giá cuối năm dựa trên kết quả về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tiến hành theo các bước sau:

a) Đối với cá nhân: Mỗi cá nhân trong đơn vị phải tự chấm điểm thi đua theo thang điểm cụ thể (theo mẫu số 07 kèm theo Thông tư này), căn cứ vào thành tích trong năm cá nhân tự đề xuất danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng phù hợp.

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá của cá nhân, đơn vị xét, thống nhất cách đánh giá và trình cấp có thẩm quyền tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

b) Đối với tập thể: Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm lập báo cáo tổng kết công tác, bảng tổng hợp các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính, tự chấm điểm (theo mẫu số 04, mẫu số 06 kèm theo Thông tư này), đề xuất danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích của đơn vị. Đơn vị họp, xem xét, thống nhất cách đánh giá và trình cấp có thẩm quyền tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

2. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Bộ

a) Đối với danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, sau khi nhận đủ hồ sơ, Phòng Thi đua - Khen thưởng (Văn phòng Bộ) kiểm tra hồ sơ, thẩm định báo cáo thành tích, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, tổng hợp kết quả, hoàn thiện hồ sơ, trình Thường trực Hội đồng xem xét, trình Chủ tịch Hội đồng Bộ xét, trình Bộ trưởng xem xét, công nhận;

b) Đối với Bằng khen của Bộ trưởng, Kỷ niệm chương, sau khi nhận đủ hồ sơ, Phòng Thi đua - Khen thưởng (Văn phòng Bộ) kiểm tra hồ sơ, thẩm định báo cáo thành tích, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, hoàn thiện hồ sơ, trình Thường trực Hội đồng xem xét, trình Chủ tịch Hội đồng Bộ xét, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định tặng thưởng;

c) Đối với danh hiệu “Cờ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, sau khi nhận đủ hồ sơ, Phòng Thi đua - Khen thưởng (Văn phòng Bộ) kiểm tra hồ sơ, thẩm định báo cáo thành tích, trình xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng Bộ, Hội đồng Ngành, hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ trưởng xét, công nhận.

3. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước

Sau khi nhận đủ hồ sơ, Phòng Thi đua - Khen thưởng (Văn phòng Bộ) kiểm tra hồ sơ, thẩm định thành tích, trình xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng Bộ (hoặc lấy ý kiến bằng văn bản); hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ trưởng đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng.

Việc xin ý kiến Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 45 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

Mục 2

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VÀ TRAO TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 29. Thẩm quyền quyết định

1. Thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 77 và Điều 78 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bộ trưởng quyết định tặng thưởng:

a) Tặng “Cờ thi đua của Bộ” cho các sở và đơn vị;

b) Công nhận các danh hiệu: “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” cho các cá nhân thuộc các đơn vị thuộc Bộ; “Tập thể lao động xuất sắc” cho các đơn vị thuộc Bộ, các đơn vị thuộc đơn vị thuộc Bộ;

c) Công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho Lãnh đạo Bộ, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ; công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” cho các tập thể, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho các cá nhân thuộc các đơn vị thuộc Bộ không có con dấu, tài khoản riêng.

d) Tặng Kỷ niệm chương cho các cá nhân trong và ngoài Ngành.

đ) Tặng Bằng khen cho các tập thể và cá nhân trong và ngoài Ngành.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có con dấu, tài khoản riêng quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” cho các tập thể, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho các cá nhân thuộc quyền quản lý. Đối với đơn vị không có con dấu, tài khoản riêng thì do thủ trưởng cấp trên trực tiếp của đơn vị xét tặng.

Điều 30. Tổ chức trao tặng

1. Việc trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 44 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

2. Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước, khi nhận được quyết định khen thưởng, thủ trưởng các đơn vị lập kế hoạch tổ chức đón nhận, trình Lãnh đạo Bộ cho ý kiến chỉ đạo thực hiện. Khi có ý kiến của Lãnh đạo Bộ phối hợp với Thường trực Hội đồng Bộ tổ chức công bố, trao tặng. Lễ trao tặng cần trang trọng, nên kết hợp với dịp Hội nghị tổng kết công tác, kỷ niệm ngày thành lập đơn vị hoặc lồng ghép với các nội dung khác để tiết kiệm thời gian và chi phí.

3. Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, giao cho Giám đốc các sở và thủ trưởng các đơn vị tổ chức công bố, trao tặng theo quy định.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 31. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ thực hiện theo quy định tại Điều 62 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ bao gồm 02

Hội đồng: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ do Bộ trưởng thành lập.

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng về công tác thi đua, khen thưởng đối với các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Thông tư này. Thành phần gồm: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng; Thường trực Hội đồng là Chánh Văn phòng Bộ; một số ủy viên là thủ trưởng một số đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ. Giúp việc cho Hội đồng Ngành có thư ký và một số chuyên viên.

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng về công tác thi đua, khen thưởng đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 và 3 Điều 2 của Thông tư này. Thành phần gồm: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng; Thường trực Hội đồng Bộ là Chánh Văn phòng Bộ; các ủy viên Hội đồng gồm có: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Bộ, Chủ tịch Công đoàn Bộ, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Bộ, thủ trưởng một số đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ. Giúp việc cho Hội đồng Bộ có thư ký và một số chuyên viên.

2. Cơ quan thường trực của các Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

a) Văn phòng Bộ là cơ quan thường trực của Hội đồng Bộ, Hội đồng Ngành;

b) Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Bộ, Hội đồng Ngành có thể mời một số đại biểu có liên quan tham dự các cuộc họp của Hội đồng. Các đại biểu mời được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

3. Cơ quan thường trực của Hội đồng có trách nhiệm tham mưu cho Bộ trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng, quy chế hoạt động phù hợp với quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, ban hành quy chế tổ chức các hoạt động của cụm thi đua của các sở và khối thi đua của các đơn vị.

Điều 32. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở

1. Các đơn vị có tư cách pháp nhân phải thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở của đơn vị, thành phần gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng đơn vị;

b) Phó Chủ tịch thường trực là thủ trưởng đơn vị có chức năng tham mưu giúp việc thủ trưởng đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng; các Phó Chủ tịch khác và ủy viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

c) Thường trực của Hội đồng là thủ trưởng đơn vị hoặc trưởng bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị;

d) Các Ủy viên là đại diện cấp ủy, tổ chức đảng, đoàn thể và thủ trưởng một số đơn vị khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở hoạt động theo quy chế do thủ trưởng đơn vị ban hành, thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn về công tác thi đua, khen thưởng; làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số; trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì lấy theo nhóm có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể mời một số đại biểu có liên quan tham dự các cuộc họp; các đại biểu mời dự họp được phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở

a) Tổ chức phát động, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các phong trào thi đua và nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong lĩnh vực quản lý của đơn vị, đảm bảo cho các phong trào phát triển mạnh mẽ, sâu rộng, đúng hướng, thiết thực và có hiệu quả;

b) Bình xét, lựa chọn các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua, trình thủ trưởng đơn vị quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định;

c) Sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua và thực hiện các nhiệm vụ khác được thủ trưởng đơn vị giao.

4. Đối với các tổ chức không có con dấu, tài khoản riêng, việc xét, đề nghị khen thưởng do thủ trưởng đơn vị phối hợp với đại diện cấp ủy, tổ chức đoàn thể của đơn vị thực hiện.

Điều 33. Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng các cấp gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và một số thành viên khác.

Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp có nhiệm vụ tham mưu cho người đứng đầu xét, công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định.

2. Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư 08/2017/TT-BNV.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 34. Quỹ, nguồn hình hành và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng Bộ bao gồm: Quỹ thi đua, khen thưởng các đơn vị quản lý nhà nước và Quỹ thi đua, khen thưởng các đơn vị sự nghiệp.

Quỹ thi đua, khen thưởng các đơn vị quản lý nhà nước quy định tại Điều này gồm các đơn vị quy định từ Khoản 1 đến Khoản 17 Điều 3 của Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ và Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo.

2. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 64 và Khoản 1 Điều 65 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Bộ khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài Ngành hỗ trợ, đóng góp cho Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Văn phòng Bộ có trách nhiệm quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng các đơn vị quản lý nhà nước, sử dụng để chi cho các hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều 36 của Thông tư này.

2. Giao cho các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ tự quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

3. Kết thúc năm ngân sách, Văn phòng Bộ và các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ có trách nhiệm tổng hợp báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị cùng báo cáo quyết toán năm theo quy định.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 36. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng Bộ quy định tại Khoản 1 Điều 35 của Thông tư này được sử dụng cho các hoạt động quy định tại điểm a, b và d Khoản 1 Điều 66 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP, cụ thể:

a) Chi tiền thưởng hoặc hiện vật kèm theo danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các trường hợp khác do Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Riêng khen thưởng theo chuyên đề (lĩnh vực) quy định tại Khoản 2 Điều 24 của Thông tư này nếu liên quan lĩnh vực nào thì thủ trưởng lĩnh vực đó chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định về nguồn kinh phí chi thưởng;

b) Chi tiền in ấn và làm hiện vật khen thưởng: Giấy chứng nhận, phôi Bằng khen, phôi Kỷ niệm chương, hộp Kỷ niệm chương, huy hiệu Kỷ niệm chương, Cờ thi đua của Bộ và các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng;

c) Chi tiền khung Bằng khen, Kỷ niệm chương cho những hoạt động thi đua, khen thưởng chung của Bộ;

d) Chi tiền cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 66 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP;

đ) Chi khen thưởng đột xuất và các chi phí khác phục vụ cho công tác thi đua, khen thưởng do Bộ trưởng quyết định.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng quy định tại Khoản 2 Điều 35 của Thông tư này được sử dụng để chi cho các hoạt động:

a) Tổ chức các phong trào thi đua;

b) Mua sắm các hiện vật khen thưởng;

c) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị;

d) Chi cho các hoạt động khác về thi đua, khen thưởng.



Điều 37. Nguyên tắc tính tiền thưởng

Nguyên tắc tính tiền thưởng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 66 và Điều 68 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

Điều 38. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi

1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các điều: 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP phù hợp với khả năng cân đối nguồn Quỹ theo quy định tại Điều 34 của Thông tư này và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2. Các cá nhân được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ngoài việc được khen thưởng theo quy định còn được xem xét, ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Chương VII

LƯU TRỮ HỒ SƠ, BÁO CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 39. Lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng

Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình theo quy định của pháp luật về lưu trữ để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu.

Điều 40. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hằng năm, các sở và đơn vị sơ kết, tổng kết, đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và gửi báo cáo về Văn phòng Bộ trước ngày 15 tháng 6 đối với báo cáo sơ kết và trước ngày 15 tháng 12 đối với báo cáo tổng kết. Riêng báo cáo khen thưởng đối ngoại gửi về Vụ Hợp tác quốc tế.

2. Các đơn vị có phát động phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào, gửi báo cáo kịp thời về Bộ (qua Văn phòng Bộ) chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua.

Điều 41. Thanh tra, kiểm tra

1. Cơ quan thường trực của Hội đồng Bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thanh tra, kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi toàn Ngành.

2. Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm về tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng trong phạm vi quản lý.

Điều 42. Xử lý vi phạm

1. Cấp nào ra quyết định khen thưởng thì có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng, tước danh hiệu, thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã trao.

2. Việc hủy bỏ quyết định khen thưởng và thủ tục, hồ sơ tước, phục hồi danh hiệu thực hiện theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2019 và thay thế Thông tư số 30/2014/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 44. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản đã thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

Điều 45. Trách nhiệm thi hành

1. Cơ quan thường trực của Hội đồng Bộ giúp Bộ trưởng hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các sở và đơn vị trong việc triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các sở và đơn vị trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình cụ thể hóa các tiêu chuẩn, tiêu chí thi đua, chỉ tiêu thi đua, phù hợp với đặc điểm của đơn vị; khuyến khích lượng hoá các chỉ tiêu kèm thang điểm để xét khen thưởng chính xác, công bằng khách quan; tổ chức triển khai thực hiện và kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Văn phòng Bộ) để xem xét, giải quyết. *N.Hà*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND và Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ LĐTBXH;
- Các đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH
- Công thông tin điện tử Bộ LĐTBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW (Bộ Nội vụ);
- Công thông tin điện tử Chính phủ, Công báo Chính phủ;
- Lưu: VT, TĐ-KT (10 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hà



Phụ lục
BẢN ÁP DỤNG TRONG
HỆ TỤC KHEN THƯỞNG

(Kèm theo Thông tư 01/2011/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 3 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) (1)

<i>Nội dung</i>	
Mẫu số 01	Báo cáo thành tích đề nghị tặng Kỷ niệm chương cho người Việt Nam.
Mẫu số 02	Báo cáo thành tích đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Kỷ niệm chương cho cá nhân nước ngoài.
Mẫu số 03	Xác nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đối với cá nhân đề nghị tặng các danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ và Chiến sĩ thi đua toàn quốc.
Mẫu số 04	Bảng tổng hợp các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính (dùng cho các đơn vị thuộc Bộ).
Mẫu số 05	Bảng tổng hợp các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính (dùng cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
Mẫu số 06	Mẫu chấm điểm thi đua tổng kết năm đối với các đơn vị thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
Mẫu số 07	Mẫu chấm điểm thi đua tổng kết năm đối với cá nhân.

(1) Thể thức và kỹ thuật trình bày các mẫu biểu được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

**XÁC NHẬN SÁNG KIẾN QUẢN LÝ, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DANH HIỆU...(1)....
NĂM**

Họ và tên: (ghi đầy đủ bằng chữ in hoa)

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính:

Chức vụ, đơn vị công tác:

Tên sáng kiến quản lý, đề tài nghiên cứu khoa học kèm mã số đề tài:

Thời gian thực hiện sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học: Từ ngày... tháng... năm đến ngày.... tháng.... năm

Nội dung, phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến quản lý, đề tài nghiên cứu khoa học:

Đánh giá của Hội đồng Khoa học đơn vị: (2)

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
NHẬN XÉT, XÁC NHẬN (2)**
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ danh hiệu thi đua đề nghị công nhận: Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

(2) Đối với đơn vị không thành lập Hội đồng Khoa học thì Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở nhận xét, xác nhận.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... (1)....., ngày tháng năm

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CHÍNH NĂM

Stt	Các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính của đơn vị được giao trong năm	Kết quả thực hiện (2)			Đơn vị tự xếp loại			
		Chỉ tiêu kế hoạch	Kết quả thực hiện	Đạt tỷ lệ %	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu, kém
I.	Các chỉ tiêu nhiệm vụ của Bộ, ngành giao (nêu các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội được giao trong năm)							
1.								
2.								
...								
II.	Các chỉ tiêu nhiệm vụ khác của địa phương giao (nếu có)							
1.								
2.								
...								
III.	Kết quả đánh giá các tổ chức Đảng, đoàn thể của đơn vị							
1.								
2.								
...								
IV.	Các hoạt động phong trào thi đua khác (thống kê các hoạt động chính)							
1.								
2.								
...								

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa danh.

(2) Đề nghị ghi rõ kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo và ước thực hiện đến ngày 31/12.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)....., ngày tháng năm

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CHÍNH NĂM

Stt	Các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính được Bộ và địa phương giao	Kết quả thực hiện (2)			Đơn vị tự xếp loại			
		Chỉ tiêu kế hoạch	Kết quả thực hiện	Đạt tỷ lệ %	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu, kém
I.	Các chỉ tiêu nhiệm vụ do địa phương giao (liệt kê các chỉ tiêu do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao)							
1.								
2.								
...								
II.	Các chỉ tiêu nhiệm vụ do Bộ, Ngành giao (nếu có)							
1.								
2.								
...								
III.	Kết quả đánh giá các tổ chức Đảng, đoàn thể của đơn vị							
1.								
2.								
...								
IV.	Các hoạt động phong trào thi đua khác (thống kê các hoạt động chính)							
1.								
2.								
...								

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa danh.

(2) Đề nghị ghi rõ kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo và ước thực hiện đến ngày 31/12.

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)....., ngày tháng năm

BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM.....

Stt	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm
1	Thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị (tùy từng đơn vị mà áp dụng mục A hay mục B cho phù hợp) (2)	40	
A	ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC BỘ, SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG		
1.1	Đơn vị chủ động tham mưu, đề xuất và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ được Bộ giao hàng năm. (3)	5	
1.2	Có kế hoạch và biện pháp cụ thể và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch công tác hằng tuần, hằng tháng, hằng quý, cả năm và kế hoạch đột xuất, đảm bảo về thời gian, tiến độ và chất lượng. Thực hiện tốt công tác nghiên cứu khoa học và quản lý tài chính, vật tư của đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. (4)	15	
1.3	Chủ trì và phối hợp tốt với các đơn vị liên quan thực hiện tốt các nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất của Bộ và của đơn vị. (3)	5	
1.4	Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính.	5	
1.5	Nộp báo cáo hằng tháng, quý, năm đúng quy định của Bộ. (3)	5	
1.6	Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ.	5	
B	ĐỐI VỚI KHỐI CÁC VIỆN NGHIÊN CỨU, TRƯỜNG ĐÀO TẠO		
1.1	Thi đua trong công tác chuyên môn và trong giảng dạy (5)	20	
1.1.1	Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, cụ thể: Xây dựng mục tiêu, chương trình, quy mô đào tạo, công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo, kết quả đào tạo: giảng bài, ra đề thi, chấm bài, hướng dẫn luận văn...	5	
1.1.2	Đội ngũ cán bộ, giáo viên và giảng viên của Nhà trường luôn có kế hoạch và biện pháp cụ thể nhằm đổi mới bài giảng, chương trình học phù hợp giai đoạn mới.	5	
1.1.3	Quản lý tốt công tác tài chính, vật tư của đơn vị, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên.	5	
1.1.4	Quy mô tuyển sinh của Nhà trường đạt yêu cầu. Đã đặt ra và có nhiều hoạt động hiệu quả gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo.	5	

1.2	Thi đua trong công tác nghiên cứu khoa học	20	
1.2.1	Đơn vị có ít nhất từ 02 công trình nghiên cứu cấp Bộ trở lên hoặc có giáo viên đạt giải tại các Hội thi cấp Bộ hoặc tỉnh trở lên.	10	
1.2.2	Thực hiện nghiêm túc hợp đồng nghiên cứu khoa học đối với giáo viên, giảng viên và sinh viên.	5	
1.2.3	Các đề tài nghiên cứu khoa học đều được nghiệm thu. (6)	5	
2	Thi đua thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Bộ, của đơn vị (7)	15	
2.1	Chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế ở cơ sở (thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...)	5	
2.2	Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh”.	5	
2.3	Tổ chức quản lý, điều hành và thực hiện tốt các hoạt động của đơn vị theo quy chế, quy định hiện hành của Bộ và đơn vị. (3)	5	
3	Thi đua xây dựng cơ quan văn hóa, tập thể đoàn kết, tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh, các đoàn thể vững mạnh (8)	20	
3.1	Nội bộ đoàn kết, thân thiện, tương trợ, giúp đỡ nhau. Đơn vị tích cực chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người lao động của đơn vị về mọi mặt: tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đời sống, vật chất tinh thần... (9)	10	
3.2	Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm công tác ở đơn vị.	3	
3.3	Xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh. Xây dựng các đoàn thể vững mạnh.	5	
3.4	Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt các tiêu chuẩn về “Đoàn kết - Kỷ cương - Sáng tạo - Hiệu quả”.	2	
4	Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng	20	
4.1	Tổ chức quán triệt, triển khai kịp thời, có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng.	5	
4.2	Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua do cấp trên phát động. Phát động, triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua thường xuyên, theo đợt, chuyên đề (có kế hoạch, chủ đề, nội dung, tiêu chí thi đua cụ thể, tổ chức phát động...).	2	
4.3	Triển khai xây dựng kế hoạch thi đua, đăng ký giao ước thi đua và các danh hiệu thi đua cho tập thể, cá nhân.	3	
4.4	Bố trí cán bộ giúp việc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị.	1	

4.5	Thẩm định hồ sơ khen thưởng đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch. Có tỷ lệ khen thưởng cho người lao động trực tiếp trên 50% trở lên.	3	
4.6	Có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của các phong trào thi đua. Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến. Có triển khai việc phát hiện khen thưởng.	3	
4.7	Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn, có chất lượng tốt. Nộp hồ sơ khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định.	3	
5	Điểm thưởng	5	
5.1	Có sáng kiến, giải pháp trong công tác và khối lượng công việc hoàn thành tiến độ rõ rệt so với năm trước (thể hiện qua số liệu cụ thể).	2	
5.2	Trong năm tổ chức nhiều hơn 01 đợt thi đua theo chuyên đề.	1	
5.3	Trong năm có điển hình mới, mô hình mới được biểu dương, tôn vinh và giới thiệu cho Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.	1	
5.4	Có các nội dung thực hiện sáng tạo, có hiệu quả nổi bật trong tổ chức các phong trào thi đua.	1	
Tổng cộng		100	

ĐƠN VỊ TỰ XẾP LOẠI: (10)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh.
- (2) Căn cứ vào tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch năm để cho điểm tương ứng theo tổng điểm của từng nội dung, đối với mỗi nội dung hoàn thành ít hơn 100% cứ 01% trừ đi 01 điểm.
- (3) Riêng đối với Sở LĐ-TBXH các tỉnh/thành phố trực thuộc TW ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ của Bộ, ngành còn thực hiện các nhiệm vụ của địa phương.
- (4) Đối với các đơn vị quản lý nhà nước ngoài các nhiệm vụ trên còn có nhiệm vụ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tham mưu, hoạch định các chủ trương, mục tiêu, chương trình quốc gia phát triển kinh tế Ngành và các chính sách của Ngành.
- (5) Đối với các Viện sử dụng các tiêu chí đánh giá liên quan đến: Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học dài hạn và hằng năm; tham gia xây dựng chiến lược, đề án, quy hoạch kế hoạch, chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến Ngành; tổ chức liên kết trong đào tạo; hợp tác về nghiên cứu khoa học...
- (6) Mỗi đề tài xếp loại không đạt hoặc không thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng nghiên cứu khoa học trừ 01 điểm.
- (7) Đơn vị có tập thể, cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên trừ đi 10 điểm, có đơn thư tố cáo (có kết luận của cơ quan thẩm quyền) trừ 05 điểm, các nội dung khác trừ 01 điểm.
- (8) Tổ chức Đảng không đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh; các đoàn thể không đạt vững mạnh trừ 5 điểm, các nội dung khác trừ thêm 01 điểm.
- (9) Đối với khối các trường học là giáo viên, giảng viên, học sinh và sinh viên.
- (10) Thang điểm xếp loại: dưới 70 điểm - Không xếp loại; từ 70 đến 90 điểm - đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"; từ 91 đến 100 điểm - đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc".

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ CÔNG TÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... (1)....., ngày tháng năm

BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay:

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM

Stt	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	
		Điểm tối đa	Điểm tự chấm
A.	NHÓM CÁC TIÊU CHUẨN CHUNG		
1	Thực hiện các nhiệm vụ được giao (2) (Kết quả công tác; Tinh thần phối hợp công tác; Tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân; thực hiện công tác cải cách hành chính; tiến độ và chất lượng công việc).	40	
1.1	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao (Hoàn thành 100% nhiệm vụ chuyên môn và các công việc phát sinh được giao, đảm bảo hoàn thành trước thời hạn thời hạn quy định, chất lượng công việc đạt mức độ xuất sắc, có tinh thần phối hợp công tác với đồng nghiệp).	40	
1.2	Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (Hoàn thành 100% nhiệm vụ chuyên môn được giao, đảm bảo đúng thời hạn, chất lượng công việc tốt).	35	
1.3	Hoàn thành nhiệm vụ hoặc hoàn thành nhiệm vụ nhưng hạn chế về năng lực (Hoàn thành trên 90% nhiệm vụ chuyên môn được giao, đảm bảo đúng thời hạn, chất lượng công việc tốt).	30	
2.	Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước (3)	15	
2.1	Đảm bảo trên 90% số ngày làm việc trong năm.	5	
2.2	Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết; trung thực; gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế làm việc của cơ quan và đơn vị.	6	
2.3	Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong đơn vị và các đơn vị có liên quan trong giải quyết công việc.	2	
2.4	Tích cực tham gia các phong trào thi đua do đơn vị hoặc cơ quan cấp trên phát động hoặc kêu gọi hưởng ứng.	2	
3.	Đạo đức, tác phong, tinh thần học tập nâng cao trình độ (4)	10	
3.1	Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, tâm huyết với công việc, có đạo đức công vụ, công chức.	5	
3.2	Có tinh thần cầu toàn, thường xuyên học hỏi kinh nghiệm từ các lớp người đi trước.	2	

3.3	Có tác phong làm việc năng động, linh hoạt, khả năng thích ứng nhanh với công việc mới, với môi trường làm việc mới.	3	
4.	Có sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, hiệu quả công tác	5	
B.	NHÓM CÁC TIÊU CHUẨN MANG TÍNH ĐẶC THÙ (5)		
1	Đối với cá nhân làm công tác quản lý nhà nước	30	
1.1	Tham gia, đề xuất xây dựng và cụ thể hóa các cơ chế, chính sách và pháp luật.	10	
1.2	Tham gia, đề xuất các giải pháp lớn liên quan đến các nhiệm vụ của Ngành (<i>chủ động đề xuất hoặc chủ trì thực hiện: 10 điểm, chỉ là thành viên tham gia: 05 điểm</i>).	10	
1.3	Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản quy phạm pháp luật và quy chế làm việc của cơ quan.	10	
2	Đối với cá nhân làm công tác sự nghiệp	30	
2.1	Có đề xuất, kiến nghị hợp lý bổ sung cho các cơ chế, chính sách và pháp luật.	6	
2.2	Có bài báo, công trình khoa học được đăng trên các tạp chí trong nước, quốc tế.	6	
2.3	Có sản phẩm nghiên cứu được áp dụng vào quản lý, sản xuất và đời sống đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội.	6	
2.4	Có nhiều bài báo có chất lượng, phản ánh kịp thời các kết quả hoạt động của toàn Ngành.	6	
2.5	Tham gia soạn giáo trình, tham gia giảng dạy các lớp tập huấn về nghiệp vụ ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.	6	
3	Đối với cá nhân làm công tác phục vụ	30	
3.1	Thực hiện tốt công tác phục vụ được giao đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc cho lãnh đạo, các đơn vị, đảm bảo an toàn trong cơ quan.	10	
3.2	Tinh thần phục vụ tận tụy và chu đáo, không bị phàn nàn, phê bình, chê trách.	10	
3.3	Tiết kiệm cho cơ quan (điện, nước, xăng dầu, vật tư khác...).	10	
4	Đối với cá nhân làm công tác giảng dạy	30	
4.1	Hoàn thành và hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy được phân công theo chức danh.	5	
4.2	Lên lớp đầy đủ, đúng giờ. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và tài liệu phục vụ cho việc lên lớp giảng dạy. Đảm bảo quy chế giảng dạy, quy chế thi, kiểm tra.	5	
4.3	Nội dung giảng dạy đảm bảo chính xác, phong phú, gắn với thực tiễn, giúp cho việc hình thành kỹ năng cho sinh viên.	5	
4.4	Có phương pháp dạy học và tác phong sư phạm: Phù hợp theo hướng phát triển, phát huy tính tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo, hình thành ý thức tự giác của sinh viên trong học tập và nghiên cứu khoa học; có bài giảng ứng dụng công nghệ thông tin vào việc đổi mới phương	10	

	pháp dạy học (có xác nhận của bộ môn, khoa); có tài liệu hướng dẫn sinh viên tự học. Trách nhiệm, nhiệt tình giúp đỡ, tạo điều kiện cho người học khi gặp khó khăn trong nhận thức.		
4.4	Kết quả học tập của sinh viên về học phần, môn học do giáo viên phụ trách đạt tỷ lệ khá giỏi cao (trên 70%).	5	
5	Đối với cá nhân làm công tác nghiên cứu khoa học	30	
5.1	Có các bài báo, công trình khoa học được đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế. (Mỗi bài báo được đăng trên tạp chí trong nước 02 điểm, đăng trên tạp chí quốc tế 05 điểm).	15	
5.2	Có các công trình, sản phẩm nghiên cứu được áp dụng vào quản lý, sản xuất và đời sống đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội (đối với cá nhân chủ trì: 10 điểm; đối với thành viên tham gia: 05 điểm).	15	
Tổng cộng		100	

CÁ NHÂN TỰ XẾP LOẠI: (6)

ĐƠN VỊ TỰ XẾP LOẠI: (7)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa danh.

(2) Bỏ sót hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được phân công; từ chối nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; giải quyết chậm công việc được giao mà lỗi là do nguyên nhân chủ quan hoặc kết quả công việc không đạt chất lượng; không thực hiện tốt việc phối hợp khi được giao nhiệm vụ có liên quan đến một hay một nhóm cá nhân khác trong đơn vị, các đơn vị liên quan... mỗi lỗi vi phạm trên trừ 10 điểm.

(3) Vi phạm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... bị người có thẩm quyền phê bình; vi phạm kỷ cương, kỷ luật của Ngành; nội quy, quy chế cơ quan; bỏ hốp không có lý do; tự ý nghỉ làm việc không có lý do; vi phạm giờ làm việc, ngày công lao động không có lý do... mỗi lỗi vi phạm trên trừ 02 điểm.

(4) Vi phạm quy định về văn minh công sở bị nhắc nhở; có thái độ làm việc chưa tốt, có hành vi có ý gây phiền hà, sách nhiễu trong giải quyết công vụ bị phản ánh (được xác minh đúng); tinh thần hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp chưa tốt (có khả năng nhưng từ chối giúp đỡ, hỗ trợ); có hành vi gây mất đoàn kết nội bộ (thông tin sai lệch, chia rẽ cá nhân, bè phái, viết đơn thư tố cáo sai sự thật...); không tham gia các lớp học, tập huấn do cơ quan, đơn vị hoặc cấp trên tổ chức mà không có lý do chính đáng; uống rượu, bia hoặc say rượu, bia trong giờ làm việc; không chủ động tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ... mỗi lỗi vi phạm trên trừ 02 điểm.

(5) Các tiêu chuẩn ở dưới đây chỉ mang tính định hướng, các đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị mình xây dựng bộ tiêu chí cho phù hợp với đặc điểm công việc của từng cá nhân trong đơn vị theo từng vị trí việc làm cụ thể.

(6) Thang điểm xếp loại: dưới 70 điểm - Không xếp loại; từ 70 đến 90 điểm - đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến"; từ 91 đến 100 điểm - đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

(7) Căn cứ vào kết quả thực hiện công tác chuyên môn của cá nhân trong năm, căn cứ vào ý kiến đóng góp của các thành viên khác trong đơn vị đối với cá nhân được xem xét, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở thống nhất mức độ đánh giá./.